

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện**

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Biểu giá bán lẻ điện áp dụng từ năm 2011.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về giá bán lẻ điện chi tiết cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện căn cứ trên giá bán điện bình quân xác định theo cơ chế quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giá bán buôn điện cho các đơn vị bán lẻ điện mua điện trực tiếp từ các Tổng công ty điện lực hoặc các đơn vị điện lực trực thuộc.

2. Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Giá bán điện tại những khu vực không nối lưới điện quốc gia do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Cục Điều tiết điện lực.

Điều 2. Giá bán điện bình quân

Giá bán điện bình quân là 1.508,85 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Điều 3. Giá bán điện theo cấp điện áp

1. Giá bán điện theo cấp điện áp áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, bơm nước tưới tiêu, hành chính sự nghiệp và cho khu công nghiệp, cho mục đích khác tại các nhà chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới.

2. Hệ thống đo đếm điện đặt ở cấp điện áp nào thì giá bán điện được tính theo giá quy định tại cấp điện áp đó.

Điều 4. Giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày

Giá bán điện được quy định theo thời gian sử dụng điện trong ngày (sau đây gọi là hình thức ba giá), như sau:

1. Giờ bình thường

a) Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

- Từ 04 giờ 00 đến 9 giờ 30 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 11 giờ 30 đến 17 giờ 00 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 20 giờ 00 đến 22 giờ 00 (02 giờ).

b) Ngày Chủ nhật

Từ 04 giờ 00 đến 22 giờ 00 (18 giờ).

2. Giờ cao điểm

a) Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy

- Từ 09 giờ 30 đến 11 giờ 30 (02 giờ);
- Từ 17 giờ 00 đến 20 giờ 00 (03 giờ).

b) Ngày Chủ nhật: không có giờ cao điểm.

3. Giờ thấp điểm

Tất cả các ngày trong tuần: từ 22 giờ 00 đến 04 giờ 00 sáng ngày hôm sau (06 giờ).

Điều 5. Điều kiện được áp giá bán buôn điện

1. Giá bán buôn điện quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Thông tư này được áp dụng đối với đơn vị bán lẻ điện đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện được cơ quan có thẩm quyền cấp trừ các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 của Luật Điện lực;

b) Có sổ sách kế toán theo quy định, trong đó phần kinh doanh bán lẻ điện phải được hạch toán tách biệt với các hoạt động kinh doanh khác;

c) Có hợp đồng mua bán điện và công tơ đo đếm điện lắp đặt cho từng hộ sử dụng điện theo quy định tại Điều 24 của Luật Điện lực; có phát hành hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện theo quy định của Bộ Tài chính cho từng khách hàng sử dụng điện theo từng kỳ thanh toán được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với đơn vị bán lẻ điện không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Đơn vị bán buôn điện có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đề thu hồi giấy phép hoạt động điện lực và bàn giao lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị này cho Công ty điện lực để bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện. Trong thời gian chờ hoàn thành các thủ tục bàn giao, Đơn vị bán buôn điện được phép áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang cho toàn bộ sản lượng điện đo đếm được tại công tơ tổng theo số định mức hộ sử dụng điện của hóa đơn tiền điện tháng gần nhất.

Điều 6. Hướng dẫn thực hiện giá bán điện

1. Thời gian áp dụng biểu giá: từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.
2. Giá bán điện quy định trong Thông tư này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
3. Hướng dẫn chi tiết thực hiện biểu giá được quy định tại Phụ lục của Thông tư này.
4. Trường hợp giá bán điện bình quân được điều chỉnh theo quy định tại Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường và Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào cơ bản, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm điều chỉnh mức giá bán điện chi tiết cho các nhóm khách hàng.

Chương II BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN

Điều 7. Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất

Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất như sau:

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.277
	b) Giờ thấp điểm	792
	c) Giờ cao điểm	2.284

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.305
	b) Giờ thấp điểm	822
	c) Giờ cao điểm	2.376
3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.350
	b) Giờ thấp điểm	852
	c) Giờ cao điểm	2.449
4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.406
	b) Giờ thấp điểm	897
	c) Giờ cao điểm	2.542

Điều 8. Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu

Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu như sau:

STT	Cấp điện áp	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Từ 6 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.199
	b) Giờ thấp điểm	626
	c) Giờ cao điểm	1.741
2	Dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.259
	b) Giờ thấp điểm	656
	c) Giờ cao điểm	1.803

Điều 9. Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp

Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp như sau:

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông	
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.379
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.471

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đồng/kWh)
2	Chiếu sáng công cộng	
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.500
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.590
3	Đơn vị hành chính, sự nghiệp	
	a) Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.531
	b) Cấp điện áp dưới 6 kV	1.590

Điều 10. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh

Giá bán lẻ điện cho kinh doanh như sau:

STT	Cấp điện áp	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Từ 22 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	2.104
	b) Giờ thấp điểm	1.199
	c) Giờ cao điểm	3.607
2	Từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	2.255
	b) Giờ thấp điểm	1.350
	c) Giờ cao điểm	3.731
3	Dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	2.285
	b) Giờ thấp điểm	1.410
	c) Giờ cao điểm	3.900

Điều 11. Giá bán lẻ điện sinh hoạt

1. Giá bán lẻ điện bậc thang cho mục đích sinh hoạt như sau:

STT	Mức sử dụng của một hộ trong tháng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Cho 50 kWh (cho hộ nghèo và thu nhập thấp)	993
2	Cho kWh từ 0 - 100 (cho hộ thông thường)	1.418
3	Cho kWh từ 101 - 150	1.622